

Số: 80 /LICOGI16-TCKT

V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD  
năm 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM**

Công ty cổ phần LICOGI 16 (LICOGI 16) có mã số doanh nghiệp 0302310209; Địa chỉ trụ sở 24A Phan Đăng Lưu phường 6, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh; Mã chứng khoán LCG.

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần LICOGI 16 giải trình cụ thể về:

**1. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã kiểm toán so với năm 2020:**

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng năm 2021 đã kiểm toán: Doanh thu năm 2021 đạt 1.611 tỷ đồng giảm 52% so với năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 184 tỷ đồng giảm 37% so với năm 2020, nguyên nhân chính: (i) năm 2020 Công ty ghi nhận bổ sung doanh thu tài chính do chuyển nhượng vốn tại Công ty thành viên; (ii) năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hầu hết các công trình trúng thầu phải tạm hoãn, hoặc tiến độ bị kéo dài dẫn đến không đạt được sản lượng để ghi nhận doanh thu đã đề ra.

**2. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán so với năm 2020:**

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán: Doanh thu hợp nhất đạt 1.802 tỷ đồng giảm 49% so với năm 2020 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 181 tỷ đồng giảm 42% so với năm 2020. Nguyên nhân chính do LICOGI 16 và các đơn vị trong hệ thống đều có lĩnh vực hoạt động chính là xây lắp nên với tình hình dịch bệnh Covid-19 các công ty thành viên đều chịu ảnh hưởng dẫn đến doanh thu và lợi nhuận năm 2021 giảm so với năm 2020.

Trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (báo cáo)
- Lưu VP; P.TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Công Quốc Chuộc*

# **Công ty Cổ phần Licogi 16**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47

# Công ty Cổ phần Licogi 16

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Khang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Tăng Quốc Thuộc	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	
Ông Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc Thi công	
Ông Trần Hữu Phong	Phó Tổng Giám đốc Thi công	
Bà Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc Hành chính - Quản trị	
Ông Cao Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Kỹ thuật	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2021

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

Ông Tăng Quốc Thuộc được Ông Bùi Dương Hùng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền Số 01/UQ-LICOGI 16-PL ngày 2 tháng 1 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Licogi 16

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính riêng của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng giám đốc:

Fang Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60992762/22630908

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.317.659.734.960</b>	<b>3.636.837.234.087</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>165.678.762.277</b>	<b>179.724.434.865</b>
111	1. Tiền		154.078.762.277	179.724.434.865
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.600.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>259.432.451.700</b>	<b>38.745.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	259.432.451.700	38.745.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.135.485.451.851</b>	<b>2.869.420.098.348</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.516.826.934.827	2.306.270.944.434
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	477.996.708.176	269.149.704.973
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	38.022.268.341	63.136.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	210.739.646.301	336.689.823.318
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(108.100.105.794)	(105.826.792.768)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>658.559.255.829</b>	<b>484.188.094.994</b>
141	1. Hàng tồn kho		658.559.255.829	484.188.094.994
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>98.503.813.303</b>	<b>64.759.605.880</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		98.503.813.303	64.759.605.880



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.780.440.696.119</b>	<b>1.732.996.068.115</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>36.092.880.554</b>	<b>6.362.569.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	36.092.880.554	6.362.569.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>301.408.122.669</b>	<b>284.811.269.387</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	200.389.057.588	256.343.996.661
222	Nguyên giá		471.303.970.688	465.277.260.176
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(270.914.913.100)	(208.933.263.515)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	100.821.738.465	28.073.001.829
225	Nguyên giá		141.925.065.640	51.959.740.014
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(41.103.327.175)	(23.886.738.185)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	197.326.616	394.270.897
228	Nguyên giá		10.254.240.000	10.254.240.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.056.913.384)	(9.859.969.103)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>73.577.779.703</b>	<b>73.976.084.092</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	73.577.779.703	73.976.084.092
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>1.340.410.916.323</b>	<b>1.340.739.174.147</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		680.128.591.474	670.979.796.086
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		324.898.733.758	326.353.782.849
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		485.558.790.000	485.558.790.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(152.075.198.909)	(144.053.194.788)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.900.000.000	1.900.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.950.996.870</b>	<b>27.106.971.489</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		29.311.929	37.264.581
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	28.921.684.941	27.069.706.908
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.098.100.431.079</b>	<b>5.369.833.302.202</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.720.886.492.180</b>	<b>3.541.890.099.815</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.445.976.985.857</b>	<b>3.242.359.643.126</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	905.771.165.052	1.436.015.534.937
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	588.157.199.295	695.876.335.676
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	164.438.144.444	114.433.337.189
314	4. Phải trả người lao động		5.071.001.265	1.044.102.961
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	447.028.100.446	258.507.768.122
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	74.064.963.897	99.368.278.867
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	208.061.705.667	615.083.156.951
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.384.705.791	22.031.128.423
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>274.909.506.323</b>	<b>299.530.456.689</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	27	89.414.653.881	89.414.653.881
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	26.896.373.627	24.991.389.319
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	158.301.535.315	184.624.737.989
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		296.943.500	499.675.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.377.213.938.899</b>	<b>1.827.943.202.387</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>2.377.213.938.899</b>	<b>1.827.943.202.387</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.744.048.240.000	1.172.485.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.744.048.240.000	1.172.485.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ		(18.771.380.000)	(18.771.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		439.046.173.042	461.338.576.530
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		254.250.048.264	169.244.717.227
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		184.796.124.778	292.093.859.303
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.098.100.431.079</b>	<b>5.369.833.302.202</b>

  
Đỗ Văn Hường  
Người lập

  
Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng



  
Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc


Ngày 30 tháng 3 năm 2022





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.611.877.093.963	3.362.623.218.585
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.257.624.603.308)	(3.115.350.511.511)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		354.252.490.655	247.272.707.074
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	16.700.393.217	341.787.002.983
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(53.850.265.703) (45.019.682.304)	(93.474.912.331) (72.908.450.445)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(16.742.772.968)	(8.376.936.106)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(56.379.346.584)	(139.247.420.539)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		243.980.498.617	347.960.441.081
31	9. Thu nhập khác	25	3.120.290.872	3.943.392.259
32	10. Chi phí khác	25	(16.697.345.538)	(2.575.788.642)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	25	(13.577.054.666)	1.367.603.617
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		230.403.443.951	349.328.044.698
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(47.459.297.206)	(76.215.396.318)
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	1.851.978.033	18.981.210.923
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		184.796.124.778	292.093.859.303

  
Đỗ Văn Hường  
Người lập

  
Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng

  
Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>230.403.443.951</b>	<b>349.328.044.698</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	79.649.116.080	69.095.623.855
03	Dự phòng		10.092.585.147	92.367.478.031
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(6.615.339.186)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.613.435.495)	(335.476.544.452)
06	Chi phí lãi vay	23	45.019.682.304	72.908.450.445
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>360.551.391.987</b>	<b>241.607.713.391</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		722.199.456.605	(543.033.458.318)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(174.371.160.835)	169.999.717.646
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(538.061.919.975)	570.111.210.962
12	Giảm chi phí trả trước		7.952.652	8.795.556.920
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.640.515.886)	(66.641.572.072)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(31.722.148.962)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		235.906.581	(2.065.283.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>349.921.111.129</b>	<b>347.051.736.567</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(440.000.000)	(1.068.995.909)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		400.000.000	2.046.597.208
23	Tiền chi cho vay và chi mua công cụ vốn của đơn vị khác		(271.337.451.700)	(100.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		8.544.803.640	40.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.148.795.388)	(139.355.822.784)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.054.550.000	200.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức được chia		1.811.394.339	159.873.449.138
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(269.115.499.109)</b>	<b>161.495.227.653</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Phát hành cổ phiếu	20.2	479.377.770.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	707.155.901.421	1.511.152.741.476
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(1.178.345.163.262)	(1.746.358.815.067)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	19	(22.366.072.367)	(10.600.390.631)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(80.673.720.400)	(123.468.100.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(94.851.284.608)</b>	<b>(369.274.564.222)</b>
<b>50</b>	<b>(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(14.045.672.588)</b>	<b>139.272.399.998</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>179.724.434.865</b>	<b>40.452.034.867</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>165.678.762.277</b>	<b>179.724.434.865</b>

Đỗ Văn Hương  
Người lập

Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302310209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 128 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 181).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

*Bất động sản tồn kho*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

*Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Hàng tồn kho khác (tiếp theo)*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu chuyển nhượng bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	165.381.684	106.187.883
Tiền gửi ngân hàng	152.275.380.593	177.980.246.982
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (*)	1.638.000.000	1.638.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (**)	11.600.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>165.678.762.277</u></b>	<b><u>179.724.434.865</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 19.1*).

(\*\*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 3,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,7%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	<b>1.157.273.433.201</b>	<b>1.900.362.301.171</b>
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC</i>	206.291.048.055	-
<i>Công ty TNHH Điện gió Lạc Hòa 2</i>	128.569.875.980	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng SCG</i>	124.218.984.625	-
<i>Bà Lưu Thị Bình Dân</i>	82.522.000.000	232.522.000.000
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện mặt trời Vạn Ninh</i>	17.708.971.231	909.071.351.000
<i>Các khách hàng khác</i>	597.962.553.310	758.768.950.171
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	359.553.501.626	405.908.643.263
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.516.826.934.827</b>	<b>2.306.270.944.434</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(108.100.105.794)	(105.826.792.768)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.408.726.829.033</b>	<b>2.200.444.151.666</b>

Một phần khoản phải thu của khách hàng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng. (*Thuyết minh số 19.1*)

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	105.826.792.768	33.010.199.767
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	2.273.313.026	80.166.593.001
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	-	(7.350.000.000)
Số cuối năm	108.100.105.794	105.826.792.768

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	238.367.413.845	198.822.120.990
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế</i>	66.900.000.000	49.131.336.170
<i>Công ty Cổ phần THĐ15</i>	36.106.936.676	-
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	135.360.477.169	149.690.784.820
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	239.629.294.331	70.327.583.983
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>477.996.708.176</b>	<b>269.149.704.973</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	1.885.849.950	-
Các bên khác (*)	36.136.418.391	63.136.418.391
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.022.268.341</b>	<b>63.136.418.391</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	3.136.418.391	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2	33.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận	1.885.849.950	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.022.268.341</b>		

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>210.739.646.301</b>	<b>336.689.823.318</b>
Tạm ứng (*)	121.645.789.461	116.265.846.624
Phải thu về chuyển nhượng vốn	50.748.550.000	37.973.672.141
Ký quỹ mở L/C, bảo lãnh thanh toán	16.039.309.400	9.600.344.203
Chi hộ	11.470.493.956	36.413.397.181
Phải thu lãi cho vay	6.948.180.809	5.107.717.973
Cổ tức	3.637.500.000	14.681.155
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	-	127.500.000.000
Khác	249.822.675	3.814.164.041
<b>Dài hạn</b>	<b>36.092.880.554</b>	<b>6.362.569.000</b>
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	36.092.880.554	6.362.569.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>246.832.526.855</b>	<b>343.052.392.318</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	246.719.156.059	341.664.263.409
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	113.370.796	1.388.128.909

(\*) Đây là khoản tạm ứng để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình xây dựng dở dang (*)	564.684.347.941	393.663.675.288
Bất động sản dở dang (**)	46.792.339.893	72.895.712.252
Vật tư xây dựng	46.380.371.593	16.886.161.847
Hàng hóa bất động sản	698.491.402	698.491.402
Công cụ, dụng cụ	3.705.000	44.054.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>658.559.255.829</b>	<b>484.188.094.994</b>

(\*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn	202.532.306.860	249.461.573.570
Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	61.781.719.693	-
Cao tốc QL45 - Nghi Sơn	47.396.034.186	-
Sông Hậu – Đức Hoà	37.976.391.668	43.670.335.703
Cao tốc Hữu Nghị	34.915.535.681	39.635.822.168
Điện gió Chợ Long	34.658.938.565	-
Khác	145.423.421.288	60.895.943.847
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>564.684.347.941</b>	<b>393.663.675.288</b>

(\*\*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Bảo Lộc 3,4ha	37.388.309.462	37.675.049.130
Khu dân cư Nhơn Trạch	9.404.030.431	35.220.663.122
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.792.339.893</b>	<b>72.895.712.252</b>

Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 19.1*).

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	329.898.891.595	133.578.261.853	1.800.106.728	465.277.260.176
Mua mới trong năm	-	424.036.138	-	424.036.138
Phân loại lại	6.241.674.374	-	-	6.241.674.374
Thanh lý	(639.000.000)	-	-	(639.000.000)
Số cuối năm	335.501.565.969	134.002.297.991	1.800.106.728	471.303.970.688
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	12.016.710.155	11.441.827.722	1.649.197.636	25.107.735.513
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(142.798.262.480)	(64.409.565.478)	(1.725.435.557)	(208.933.263.515)
Khấu hao trong năm	(40.455.313.102)	(15.473.016.315)	(65.579.018)	(55.993.908.435)
Phân loại lại	(6.241.674.374)	-	-	(6.241.674.374)
Thanh lý	253.933.224	-	-	253.933.224
Số cuối năm	(189.241.316.732)	(79.882.581.793)	(1.791.014.575)	(270.914.913.100)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	187.100.629.115	69.168.696.375	74.671.171	256.343.996.661
Số cuối năm	146.260.249.237	54.119.716.198	9.092.153	200.389.057.588
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.2)	65.575.972.766	38.069.590.855	-	103.645.563.621



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

VND

*Máy móc và thiết bị*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	51.959.740.014
Thuê mới trong năm	96.207.000.000
Phân loại lại	<u>(6.241.674.374)</u>
Số cuối năm	<u>141.925.065.640</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm	(23.886.738.185)
Khấu hao trong năm	(23.458.263.364)
Phân loại lại	<u>6.241.674.374</u>
Số cuối năm	<u>(41.103.327.175)</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>28.073.001.829</u>
Số cuối năm	<u>100.821.738.465</u>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

*Phần mềm máy tính*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm và số cuối năm	<u>10.254.240.000</u>
---------------------------	-----------------------

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm	(9.859.969.103)
Hao mòn trong năm	<u>(196.944.281)</u>
Số cuối năm	<u>(10.056.913.384)</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>394.270.897</u>
Số cuối năm	<u>197.326.616</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.901.822.580	72.901.822.580
Khác	675.957.123	1.074.261.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.577.779.703</u></b>	<b><u>73.976.084.092</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 14.1</i> )	680.128.591.474	670.979.796.086
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 14.2</i> )	324.898.733.758	326.353.782.849
Đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 14.3</i> )	485.558.790.000	485.558.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.900.000.000	1.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn ( <i>Thuyết minh số 14.1, 14.2</i> )	<u>(152.075.198.909)</u>	<u>(144.053.194.788)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.340.410.916.323</u></b>	<b><u>1.340.739.174.147</u></b>



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm		Tỷ lệ (%)
			Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ (%)	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ (%)	
			VND		VND		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận ("LCE Ninh Thuận)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	232.800.000.000	97	232.800.000.000	97	97
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển khu dân cư	85.878.880.000	80	85.878.880.000	80	80
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ tiện ích	75.000.000.000	75	75.000.000.000	75	75
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng	47.500.000.000	95	47.500.000.000	95	95
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 ("LCE")	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	35.760.000.000	97	35.760.000.000	97	97
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng	16.000.000.000	80	16.000.000.000	80	80
Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16 (i)	Đang hoạt động	Bất động sản	13.670.097.123	95	4.709.562.784	95	95
Công ty Cổ phần Licogi 16 Quảng Trị 1 (ii)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	290.283.274	78	220.000.000	78	78
Công ty Cổ phần Licogi 16 Quảng Trị 2 (iii)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	237.977.775	78	120.000.000	78	78
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển năng lượng tái tạo	172.991.353.302	97	172.991.353.302	97	97
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>680.128.591.474</b>		<b>670.979.796.086</b>		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(28.566.465.151)		(20.544.461.030)		
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>651.562.126.323</b>		<b>650.435.335.056</b>		

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Từ ngày 13 tháng 1 năm 2021 đến ngày 14 tháng 12 năm 2021, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16 trị giá 8.960.534.339 VND theo các thông báo góp vốn trong năm.
- (ii) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty góp vốn vào Cổ phần Licogi 16 Quảng Trị 1 trị giá 117.977.775 VND theo các thông báo góp vốn trong năm.
- (iii) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty góp vốn vào Cổ phần Licogi 16 Quảng Trị 2 trị giá 70.283.274 VND theo các thông báo góp vốn trong năm.

#### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	180.000.000.000	30	180.000.000.000	30
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Đang hoạt động	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	123.508.733.758	22	123.508.733.758	22
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Đang hoạt động	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	21.390.000.000	34,5	21.390.000.000	34,5
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Đang hoạt động	Tư vấn thiết kế và giám sát xây dựng	-	-	1.455.049.091	36,36
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>324.898.733.758</b>		<b>326.353.782.849</b>	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(123.508.733.758)		(123.508.733.758)	
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>201.390.000.000</b>		<b>202.845.049.091</b>	



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	378.447.030.000	19,5
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19	47.500.000.000	19
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	59.611.760.000	9,5	59.611.760.000	9,5
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>485.558.790.000</b>		<b>485.558.790.000</b>	

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	526.311.277.455	1.093.783.695.726
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC</i>	36.334.347.681	36.590.727.007
<i>Công ty Cổ phần Licogi 166</i>	25.204.320.529	25.543.073.043
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật Việt</i>	23.532.196.690	23.777.267.483
<i>Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hoàng Long</i>	22.535.021.801	34.535.021.801
<i>Khác</i>	418.705.390.754	973.337.606.392
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	379.459.887.597	342.231.839.211
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>905.771.165.052</b>	<b>1.436.015.534.937</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	538.043.564.018	584.798.279.167
<i>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh</i>	133.570.989.000	-
<i>Ban Quản lý Dự án 2</i>	132.140.159.831	-
<i>Công ty TNHH Number One Quang Vinh</i>	-	122.970.988.178
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng AUS Sài Gòn</i>	-	111.199.511.822
<i>Khác</i>	272.332.415.187	350.627.779.167
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	50.113.635.277	111.078.056.509
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>588.157.199.295</b>	<b>695.876.335.676</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.855.282.282	47.459.297.206	-	157.314.579.488
Thuế giá trị gia tăng	-	110.867.835.901	(110.867.835.901)	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.288.910.620	5.267.454.315	(2.831.566.229)	4.724.798.706
Thuế nhà thầu	830.818.255	-	-	830.818.255
Khác	1.458.326.032	1.013.867.264	(904.245.301)	1.567.947.995
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.433.337.189</b>	<b>164.608.454.686</b>	<b>(114.603.647.431)</b>	<b>164.438.144.444</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoàn thành dự án các công trình xây dựng	416.919.463.707	239.048.149.867
Lương tháng 13	8.070.052.250	12.840.453.419
Lãi vay	199.447.885	1.330.073.927
Khác	21.839.136.604	5.289.090.909
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>447.028.100.446</u></b>	<b><u>258.507.768.122</u></b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>74.064.963.897</b>	<b>99.368.278.867</b>
Phạt thuế	44.615.617.189	44.615.617.189
Nhận chuyển nhượng vốn	6.600.000.000	12.600.000.000
Thủ lao Hội đồng Quản trị	6.056.709.431	5.876.449.873
Lãi vay phải trả	4.478.436.295	6.352.879.430
Phải trả khoản đầu tư	-	20.000.000.000
Khác	12.314.200.982	9.923.332.375
<b>Dài hạn</b>	<b>26.896.373.627</b>	<b>24.991.389.319</b>
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	15.535.840.000
Lãi vay	11.297.533.627	9.452.549.319
Nhận ký quỹ, ký cược	63.000.000	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.961.337.524</u></b>	<b><u>124.359.668.186</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>87.964.572.929</i>	<i>110.801.771.910</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>12.996.764.595</i>	<i>13.557.896.276</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>208.061.705.667</b>	<b>615.083.156.951</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	142.167.342.344	463.139.329.874
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	16.090.224.029	32.094.818.470
Vay các bên khác (Thuyết minh số 19.4)	3.975.927.375	56.300.292.998
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	12.908.420.404	52.991.993.517
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.5)	32.919.791.515	10.556.722.092
<b>Dài hạn</b>	<b>158.301.535.315</b>	<b>184.624.737.989</b>
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	73.217.107.861	139.258.997.490
Vay các bên khác (Thuyết minh số 19.4)	8.790.000.000	9.170.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	13.429.260.524	24.808.596.099
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 19.5)	62.865.166.930	11.387.144.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366.363.240.982</b>	<b>799.707.894.940</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	799.707.894.940	1.050.142.475.575
Vay trong năm	707.155.901.421	1.511.152.741.476
Thuê tài chính trong năm	96.207.164.320	-
Trả nợ vay trong năm	(1.178.345.163.262)	(1.746.358.815.067)
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(22.366.072.367)	(10.600.390.631)
Cần trừ	(35.996.484.070)	(4.628.116.413)
Số cuối năm	<u>366.363.240.982</u>	<u>799.707.894.940</u>



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn</b>					
Vay	79.337.409.937	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa với giá trị 1.638.000.000 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Vay	62.829.932.407	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,9 ~ 8,14	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha

**TỔNG CỘNG** 142.167.342.344

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Vay	<u>26.337.680.928</u>	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2022 đến ngày 26 tháng 11 năm 2025	Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	10,35 ~ 11,1	Tài sản hình thành từ vốn vay

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 12.908.420.404  
Vay dài hạn 13.429.260.524

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.3 Các khoản vay từ bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần BOT 38	5.520.471.271	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 – Gia lai	10.569.752.758	Ngày 22 tháng 5 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	5	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.090.224.029</b>				
<b>Vay dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 Vay	8.266.545.220	Ngày 28 tháng 2 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	1~5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiên Ich Licogi 16 Vay	51.620.000.000	Ngày 20 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	1 ~ 6,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Vay	13.330.562.641	Ngày 29 tháng 5 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	5 ~ 5,5	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.217.107.861</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	73.217.107.861				
Vay dài hạn	-				



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 19.4 Các khoản vay từ các bên khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Cá nhân	<u>3.975.927.375</u>	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	4 ~ 10	Tín chấp
<b>Vay dài hạn</b>					
Công ty TNHH Thủy Nguyên Xanh	<u>8.790.000.000</u>	Ngày 26 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	5,5 ~ 6	Tín chấp
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
Vay dài hạn	8.790.000.000				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.5 Nợ thuế tài chính**

Công ty hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	35.734.186.903	2.814.395.388	11.834.348.427	1.277.626.335	10.556.722.092
	35.734.186.903	2.814.395.388	11.834.348.427	1.277.626.335	10.556.722.092
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Từ 1 đến 5 năm	69.487.507.715	6.622.340.785	12.073.412.478	686.268.078	11.387.144.400
	69.487.507.715	6.622.340.785	12.073.412.478	686.268.078	11.387.144.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>105.221.694.618</b>	<b>9.436.736.173</b>	<b>23.907.760.905</b>	<b>1.963.894.413</b>	<b>21.943.866.492</b>

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	1.048.992.930.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	304.180.364.161	1.547.292.820.018
Tăng vốn trong năm	24.070.000	-	-	-	-	24.070.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	292.093.859.303	292.093.859.303
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.467.546.934)	(11.467.546.934)
Có tức bằng cổ phiếu	123.468.100.000	-	-	-	(123.468.100.000)	-
Số cuối năm	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	461.338.576.530	1.827.943.202.387
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	1.172.485.100.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	461.338.576.530	1.827.943.202.387
Tăng vốn trong năm (*)	479.377.770.000	-	-	-	-	479.377.770.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	184.796.124.778	184.796.124.778
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(34.229.437.866)	(34.229.437.866)
Có tức bằng tiền	-	-	-	-	(80.673.720.400)	(80.673.720.400)
Có tức bằng cổ phiếu (**)	92.185.370.000	-	-	-	(92.185.370.000)	(92.185.370.000)
Số cuối năm	1.744.048.240.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	439.046.173.042	2.377.213.938.899

(\*) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 47.937.777 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá trị là 479.377.770.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-LICOGI16-DHĐCĐ ngày 3 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2021.

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.218.537 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá trị là 92.185.370.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-LICOGI16-DHĐCĐ ngày 3 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-LICOGI16-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2021.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 22 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.744.048.240.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phân đã góp</b>		
Số đầu năm	1.172.485.100.000	1.048.992.930.000
Phát hành cổ phiếu	479.377.770.000	24.070.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<u>92.185.370.000</u>	<u>123.468.100.000</u>
Số cuối năm	<u>1.744.048.240.000</u>	<u>1.172.485.100.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	172.859.090.400	123.468.100.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	80.673.720.400	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	92.185.370.000	123.468.100.000

**20.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	174.404.824	117.248.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	174.404.824	117.248.510
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.000.338)	(2.000.338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	172.404.486	115.248.172

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ xây dựng	1.254.733.928.051	3.261.664.062.121
Doanh thu từ bán đất nền	334.855.459.354	96.704.915.651
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	21.891.708.558	3.784.262.698
Doanh thu bán hàng	<u>395.998.000</u>	<u>469.978.115</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.611.877.093.963</b></u>	<u><b>3.362.623.218.585</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	8.654.421.197	7.730.041.725
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.408.472.020	8.216.009.698
Cổ tức	3.637.500.000	200.416.804
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	325.640.534.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.700.393.217</u></b>	<b><u>341.787.002.983</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	1.105.816.714.430	3.082.042.830.489
Giá vốn bán đất nền	130.518.579.662	31.261.702.663
Giá vốn dịch vụ khác	20.913.111.116	1.381.151.547
Giá vốn hàng bán	376.198.100	664.826.812
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.257.624.603.308</u></b>	<b><u>3.115.350.511.511</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	45.019.682.304	72.908.450.445
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	8.022.004.121	20.544.461.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	808.080.187	22.000.856
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	499.091	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.850.265.703</u></b>	<b><u>93.474.912.331</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>16.742.772.968</b>	<b>8.376.936.106</b>
Phí hoa hồng	16.742.772.968	8.376.936.106
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>56.379.346.584</b>	<b>139.247.420.539</b>
Chi phí nhân viên	25.419.950.101	26.363.752.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.411.473.415	5.547.286.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.273.313.026	72.816.593.001
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.568.064.011	2.823.688.205
Chi phí khác	14.706.546.031	31.696.100.805
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.122.119.552</u></b>	<b><u>147.624.356.645</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.120.290.872</b>	<b>3.943.392.259</b>
Thanh lý tài sản cố định	205.462.566	1.619.999.998
Doanh thu bảo lãnh	2.906.928.306	2.182.930.800
Khác	7.900.000	140.461.461
<b>Chi phí khác</b>	<b>16.697.345.538</b>	<b>2.575.788.642</b>
Chi phí bảo lãnh	1.928.108.838	1.904.293.000
Tiền phạt	14.367.988.339	511.250.459
Khác	401.248.361	160.245.183
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(13.577.054.666)</b>	<b>1.367.603.617</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.459.297.206	88.902.697.206
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa của những năm trước	-	(12.687.300.888)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.851.978.033)	(18.981.210.923)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.607.319.173</b>	<b>57.234.185.395</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>230.403.443.951</b>	<b>349.328.044.698</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	46.080.688.790	69.865.608.941
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	254.130.383	95.960.703
Cổ tức được chia	(727.500.000)	(40.083.361)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa của những năm trước	-	(5.668.030.939)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP	-	(7.019.269.949)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>45.607.319.173</b>	<b>57.234.185.395</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	21.620.021.159	21.165.358.554	454.662.605	14.563.318.600
Khấu hao	117.640.165	320.231.073	(202.590.908)	(214.614.385)
Trợ cấp thôi việc phải trả	59.388.700	99.935.100	(40.546.400)	(198.715.200)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.713.293.030	4.108.892.206	1.604.400.824	4.108.892.206
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.411.341.887	1.375.289.975	36.051.912	722.329.702
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>28.921.684.941</u></b>	<b><u>27.069.706.908</u></b>		
<b>Thu nhập thuế hoãn lại</b>			<b><u>1.851.978.033</u></b>	<b><u>18.981.210.923</u></b>

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số năm nay	Số năm trước
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	2.737.200.493	112.656.968.669
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng	136.195.300.941	315.295.633.766
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Licogi 16	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Trả gốc vay	292.335.832.268 20.472.452.270	395.898.446.488 24.111.002.510
		Cung cấp dịch vụ xây dựng Chi phí lãi vay	4.146.741.907 3.214.828.844	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay Trả gốc vay	3.825.653.590 648.012.854	- 17.098.420.228
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Trả gốc vay Chi phí lãi vay	323.567.542.893 6.569.437.359 1.101.073.319	- - 1.239.901.370
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Doanh thu khác Trả gốc vay Chi phí lãi vay	27.437.893.297 6.649.019.754 6.400.000.000 353.205.480	269.684.136.380 - 12.500.000.000 1.114.123.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Chi phí lãi vay	2.567.657.533	1.116.438.083
Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16	Công ty con	Góp vốn	8.602.009.412	4.209.562.784
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 – Gia Lai	Công ty con	Trả gốc vay Nhận cổ tức Chi phí lãi vay	7.956.581.587 3.637.500.000 787.159.799	4.334.067.128 - -

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	181.900.396.948	194.715.501.770	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	136.353.277.916	135.411.536.198	
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	11.878.702.365	11.878.702.365	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Cho thuê văn phòng	930.457.829	930.457.829	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ bảo lãnh	115.829.850	589.401.120	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tài tạo Licogi 16	Công ty con	Cho thuê văn phòng	81.600.000	-	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	34.089.807.263	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>359.553.501.626</b>	<b>405.908.643.263</b>	
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	125.339.324.807	2.569.272.996	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tài tạo Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	49.435.934.766	-	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	37.968.079.264	41.083.453.886	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	21.754.485.670	21.754.485.670	
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	4.745.324.512	4.534.226.119	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	386.145.312	386.145.312	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>239.629.294.331</b>	<b>70.327.583.983</b>	



## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>					
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Chuyển nhượng vốn	100.000.000	100.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận	Công ty con	Lãi cho vay	13.370.796	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Lãi cho vay	-	974.922.827	
Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16	Công ty con	Chi hộ	-	298.524.927	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Thu hộ Long tán	-	14.681.155	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>113.370.796</b>	<b>1.388.128.909</b>	
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	150.449.731.374	55.807.058.215	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	113.406.823.601	243.925.160.191	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	86.925.430.006	-	
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	24.173.749.538	37.594.467.727	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Dịch vụ môi giới được cung cấp	4.504.153.078	4.905.153.078	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>379.459.887.597</b>	<b>342.231.839.211</b>	

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	Công ty con	Ký quỹ thực hiện hợp đồng	47.997.934.877	92.332.472.308	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	Bán đất nền	1.687.745.400	1.687.745.400	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	427.955.000	500.000.000	
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	16.557.838.801	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>50.113.635.277</b>	<b>111.078.056.509</b>	
<b>Phải trả khác</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Chi phí lãi vay	4.961.997.415	2.394.339.882	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Thu hộ Chuyển nhượng vốn	3.553.546.082	-	
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Chi phí lãi vay	2.148.315.067	1.795.109.587	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai	Công ty con	Chi phí lãi vay	1.029.015.937	803.015.209	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Ký quỹ dài hạn	788.663.351	392.477.638	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16	Công ty con	Chi phí lãi vay	515.226.743	2.147.938.180	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận	Công ty con	Chi phí lãi vay	-	25.015.780	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>12.996.764.595</b>	<b>13.557.896.276</b>	

## Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b>Vay</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16	Công ty con	Vay	51.620.000.000	46.820.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16	Công ty con	Vay	13.330.562.641	24.300.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Gia Lai	Công ty con	Vay	10.569.752.758	24.726.334.345	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16	Công ty con	Vay	8.266.545.220	52.238.997.490	
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	5.520.471.271	5.520.471.271	
Công ty Cổ phần Licons Việt Nam	Công ty con	Vay	-	15.900.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận	Công ty con	Vay	-	1.848.012.854	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>89.307.331.890</b>	<b>171.353.815.960</b>	
<b>Phải thu về cho vay</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Licogi 16 Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay	1.885.849.950	-	
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng được cung cấp	89.414.653.881	89.414.653.881	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị	2.393.473.578	2.673.420.889
Ban Tổng Giám đốc	5.768.196.957	4.982.838.982
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>8.161.670.535</b>	<b>7.656.259.871</b>

(\*) bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

**28. CÁC CAM KẾT**

*Cam kết thuê hoạt động*

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.612.298.033	2.782.744.502
Trên 1 đến 5 năm	5.337.821.280	6.807.942.871
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.950.119.313</b>	<b>9.590.687.373</b>

**29. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Đỗ Văn Hường  
Người lập



Nguyễn Văn Việt  
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

